

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Thanh Châu

Chương: 622; Loại 070; Khoản 072

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

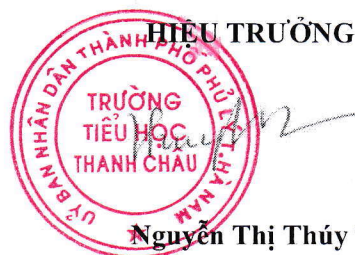
(Kèm theo QĐ số /QĐ-CKTC/THTC ngày / / 2025 của Hiệu trưởng trường THPTC)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục & đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.334.104.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.334.104.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.334.104.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Thanh Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2025



Nguyễn Thị Thúy Thật

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Thanh Châu

Chương: 622; Loại 070; Khoản 072

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số /QĐ-CKTC/THTC ngày / / 2025 của Hiệu trưởng trường THPTC)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục & đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	417.760.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	417.760.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	417.760.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

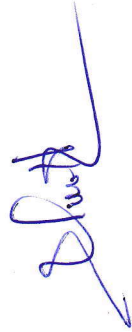
Thanh Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thúy Thật

Nội dung chi	Tổng số	Các khoản chi phân theo quỹ										Đề thi, giấy thi					
		Ngân sách	Buổi 2	Kỹ Năng Sống	Phonic	CLB (Âm Nhạc + Mỹ Thuật)	Vệ sinh	Nước	Thẻ học sinh	Trông giữ phương tiện	Tiền điện						
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	17.760.000	17.760.000															
III. Tiền thưởng	268.810.000	268.810.000															
III. Các khoản theo NQ 18	840.662.000	840.662.000	470.841.000	78.004.000	103.752.000	6.936.000	88.617.900	29.114.300	14.910.000	8.660.000	5.964.000	33.862.800					
Tiền công	468.727.600		447.299.000	4.105.000	10.737.600	6.586.000											
Tu sửa cơ sở vật chất	50.420.700		23.542.000		1.500.000	350.000	17.528.700	7.500.000									
Dịch vụ cho HĐ giáo dục	171.377.400			73.899.000	91.514.400												
Thuê mượn	57.600.000						45.000.000	9.000.000				3.600.000					
chi khác	92.536.300						26.089.200	12.614.300	14.910.000	5.060.000							33.862.800
Tổng cộng	7.192.526.000	7.192.526.000															

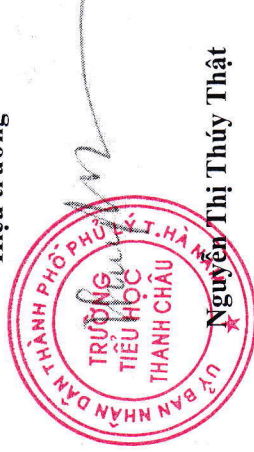
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thảo

Thanh Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thúy Thật


BÁO CÁO
CÔNG KHAI CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH
NĂM HỌC 2024-2025

TT	DIỄN GIẢI	Đơn vị tính	Số kế hoạch	Số thực hiện	Số còn lại
A	CÁC KHOẢN THU BẮT BUỘC				
I	Tuyển sinh đầu cấp				
1	Tổng số học sinh tham gia	người	101	94	
2	Mức thu tuyển sinh	Đồng	20.000	20.000	
3	Tổng số tiền thu NH 2024-2025	Đồng	2.020.000	1.880.000	0
4	Số tiền chi NH 2024-2025	Đồng	2.020.000	1.880.000	
	* Chi mua VPP+hồ sơ tuyển sinh	Đồng	1.220.000	1.171.300	
	* Chi tiền nước uống, dịch vụ khác phục vụ	Đồng	200.000	108.700	
	* Chi bồi dưỡng người làm tuyển sinh	Đồng	600.000	600.000	
	* Chi khác	Đồng			
II				
B	CÁC KHOẢN THU TỰ NGUYỆN				
1	Quỹ Tài trợ				
	* Tổng số người tham gia	người	497	480	
	* Tổng số tiền thu NH 2024-2025	Đồng	99.000.000	96.000.000	0
	* Số tiền chi NH 2024-2025	Đồng	99.000.000	96.000.000	
	- Mua sắm trang thiết bị dạy học (điều hòa)	Đồng	50.000.000	48.600.000	
	- Chi tu sửa cơ sở vật chất	Đồng	4.000.000	2.350.000	
	- Chi làm dù che sân trường	Đồng	45.000.000	45.050.000	
2				
C	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ				
I	Dịch vụ vệ sinh				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	497	
	* Số tiền thu	Đồng	89.460.000	89.380.000	762.100
	* Số tiền đã chi	Đồng	89.460.000	88.617.900	
	- Chi thuê mướn lao động	Đồng	45.000.000	45.000.000	
	- Chi mua sắm dụng cụ	Đồng	5.937.000	1.696.000	
	- Chi mua vật tư, hàng hóa phục vụ vệ sinh	Đồng	8.900.000	17.314.300	
	- Chi khác		11.103.000	7.078.900	
	- Chi sửa chữa	Đồng	18.520.000	17.528.700	
II	Dịch vụ trông giữ phương tiện cho học sinh				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	299	98	
	* Số tiền thu	Đồng	26.910.000	8.660.000	
	* Số tiền đã chi	Đồng	26.910.000	8.660.000	
D	CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN #				
I	Học buổi 2				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	486	

TT	DIỄN GIẢI	Đơn vị tính	Số kế hoạch	Số thực hiện	Số còn lại
	* Mức thu	Đồng	7000đ/tiết/hs	7000đ/tiết/hs	
	* Số tiền thu	Đồng	802.865.000	470.841.000	0
	* Số tiền đã chi	Đồng	802.865.000	470.841.000	
	- Chi 80% công lao động (Thê giảng dạy)	Đồng	642.292.000	376.672.800	
	- Chi 15% công QL	Đồng	120.429.750	70.626.200	
	- Chi sửa chữa+mua sắm trang thiết bị,CSV	Đồng	40.143.250	23.542.000	
	- Chi tiền điện, tiền nước, VPP...	Đồng			
II	Học kỹ năng sống				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	322	
	* Mức thu	Đồng	15000đ/tiết/hs	15000đ/tiết/hs	
	* Số tiền thu	Đồng	126.735.000	82.110.000	4.106.000
	* Số tiền đã chi	Đồng	126.735.000	78.004.000	
	- Chi 90% nộp về công ty theo HĐ	Đồng	114.061.500	73.899.000	
	- Chi 5% công QL	Đồng	6.336.750	4.105.000	
	- Chi tiền điện, tiền nước, VPP...	Đồng	6.336.750		
	- Chi sửa chữa+mua sắm trang thiết bị,CSV	Đồng			
III	Tiền điện điều hòa				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	497	
	* Mức thu	Đồng	12.000	12.000đ/hs	
	* Số tiền thu	Đồng	5.964.000	5.964.000	0
	* Số tiền đã chi	Đồng	5.964.000	5.964.000	
IV	Tiền học tiếng anh Fonic				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	198	194	
	* Mức thu	Đồng	8.000đ/tiết/hs	8.000đ/tiết/hs	
	* Số tiền thu	Đồng	110.880.000	107.664.000	3.912.000
	* Số tiền đã chi	Đồng	110.880.000	103.752.000	
	- Chi 85% nộp về công ty theo HĐ	Đồng	94.248.000	91.514.400	
	- Chi 10% công QL		11.088.000	10.737.600	
	- Chi tiền điện, tiền nước, VPP...	Đồng			
	- Chi sửa chữa+mua sắm trang thiết bị,CSV	Đồng	5.544.000	1.500.000	
V	Tiền nước uống học sinh				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	497	
	* Mức thu	Đồng	7000đ/hs/tháng	7000đ/hs/tháng	
	* Số tiền thu	Đồng	31.311.000	31.283.000	2.168.700
	* Số tiền đã chi	Đồng	31.311.000	29.114.300	
VI	Mua giấy thi, đề thi, giấy nháp...				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	496	
	* Mức thu	Đồng	(K1+2: 65.000đ/hs/năm; K3: 90.000đ/hs/năm; K4+5: 100.000đ/hs/năm)	(K1+2: 65.000đ/hs/năm; K3: 90.000đ/hs/năm; K4+5:	
	* Số tiền thu	Đồng	41.748.000	41.780.000	7.917.200
	* Số tiền đã chi	Đồng	41.780.000	33.862.800	
	Chi in đề	Đồng	31.993.000		
	chi mua VPP, bao bì đựng đề thi	Đồng	9.787.000		
VII	Thẻ học sinh				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	497	497	

TT	DIỄN GIẢI	Đơn vị tính	Số kế hoạch	Số thực hiện	Số còn lại
	* Mức thu	Đồng	30.000đ/hs/thẻ	30.000đ/hs/thẻ	
	* Số tiền thu	Đồng	14.910.000	14.910.000	0
	* Số tiền đã chi	Đồng	14.910.000	14.910.000	
VII	Sinh hoạt CLB Mỹ Thuật				
	* Tổng số học sinh tham gia	người	50	51	
	* Mức thu	Đồng	8.000đ/hs/tiết	8.000đ/hs/tiết	
	* Số tiền thu	Đồng	5.440.000	6.936.000	0
	* Số tiền đã chi	Đồng	5.440.000	6.936.000	

KẾ TOÁN


Phạm Thị Thảo

Phủ Lý, ngày 09 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thúy Thật